

# LỊCH SỬ NGÀNH GIÁP CỐT HỌC TRUNG QUỐC

Đầu thế kỷ XX, từ việc phát hiện loại sử liệu mới, ở Trung Quốc ra đời hai ngành khoa học là Đôn Hoàng học<sup>(1)</sup> và Giáp cốt học.

“Giáp” là mai rùa, “cốt” là xương vai trâu hoặc bò (số rất ít là xương sườn và xương đầu của các động vật khác, cũng có khi là xương sọ người). Văn tự khắc trên mai rùa hoặc xương các loại gọi là Giáp cốt văn; ngành khoa học nghiên cứu Giáp cốt văn gọi là Giáp cốt học.

Giáp cốt văn ngẫu nhiên được phát hiện lần đầu tiên bởi những người nông dân thôn Tiểu Đồn, huyện An Dương, tỉnh Hà Nam, khi họ cày ruộng; còn giáp cốt, vốn được người Trung Quốc coi là một vị thuốc, gọi là “Long cốt”. Năm 1899, Tế tửu Quốc tử giám tại Bắc Kinh là Vương ý Vinh lâm bệnh, phải mời thầy thuốc đến châm cứu, bốc thuốc. Tình cờ, Vương tiên sinh phát hiện vị “Long cốt” trong thang thuốc của mình có một số chữ khắc trên đó. Vốn là nhà Kim thạch học<sup>(2)</sup>, nên ông vô cùng hứng thú trước phát hiện này, bèn bỏ công sưu tập được hơn 1000 mảnh giáp cốt, dự

định sẽ nghiên cứu chúng. Đáng tiếc, ông đã qua đời sau đó 1 năm (năm 1900).

Tiếp đó, Lưu Ngạc (tự là Thiết Vân) – tác giả cuốn *Lão tàn du ký* – là người rất đam mê khảo cổ, đã mua lại toàn bộ hơn 1000 mảnh giáp cốt mà Vương ý Vinh đã sưu tầm được. Ngoài ra, từ nhiều nguồn khác nhau, Lưu Ngạc cuối cùng đã sở hữu tới hơn 5000 mảnh giáp cốt. Năm 1903, ông chọn lựa và đem khắc in văn tự của 1058 mảnh, biên tập thành cuốn *Thiết vân tàng quy*. Đây là cuốn sách đầu tiên in văn tự giáp cốt.

Trong lời “Tựa” *Thiết vân tàng quy*, Lưu Ngạc chỉ ra, giáp cốt văn là “văn tự khắc bằng dao của người thời Ân”, là “quẻ bói” (quái từ) dùng để bói toán. Tiếp đó, giáp cốt văn được một đại sư của môn Khảo cứu học (Phác học) là Tôn Di Nhượng chú ý. Sau khi xem cuốn sách của Lưu Ngạc, ông vô cùng thán phục, nói: “Chẳng ngờ cuối đời ta lại được tận mắt thấy một kỳ tích như thế này”. Thế rồi ông bèn bỏ ra 2 tháng, bước đầu nghiên cứu một phần nội dung “bốc từ” (những lời bói) trong cuốn *Thiết vân tàng quy*, viết thành 2 cuốn *Khế văn cử*

lệ (Một số bài văn khắc). Đây là bộ sách chuyên khảo đầu tiên khảo thích văn tự giáp cốt ở Trung Quốc. Sách được chia làm 10 thiên, gồm: Nhật nguyệt, Trinh bốc, Bốc sự, Quỷ thần, Bốc nhân, Quan thị, Phương quốc, Diễn lễ, Văn tự và Tập lệ. Cách bố cục trên đã mở ra tiền lệ cho việc phân loại giáp cốt văn sau này. Năm 1905, Tôn Di Nhượng tiếp tục viết 2 cuốn *Danh nguyên*, một lần nữa mở ra tiền lệ nghiên cứu nguồn gốc văn tự cổ Trung Quốc – xuất phát từ góc độ tự dạng của giáp cốt văn. Tuy nhiên, do tư liệu giáp cốt văn thời đó họ Tôn khảo cứu chỉ có trong bộ *Thiết vân tàng quy*, nên kết luận của ông ta còn có những chỗ lầm lẫn. Dẫu vậy, ngay đến Vương Quốc Duy cũng phải khẳng định: “Nghiên cứu giáp cốt văn, không thể không dựa vào 2 bộ sách của Tôn Di Nhượng”.

Song, người đặt nền móng cho bộ môn Giáp cốt học lại là La Chấn Ngọc (tự là Thúc Ngôn, hiệu là Tuyết Đường). Cống hiến chủ yếu của ông là ở việc sưu tầm, chỉnh lý và xuất bản tư liệu giáp cốt văn. Với nỗ lực của bản thân, ông đã sưu tập được 30.000 mảnh giáp cốt, rồi lần lượt biên tập và cho xuất bản thành 6 loại giáp cốt văn, trong đó có *Ân khu thư kế*, *Ân khu thư kế tinh hoa*, *Thiết vân tàng qui chi dư...* Đồng thời, ông còn là tác giả của hai cuốn khảo thích văn tự: *Ân Thương trình bốc văn tự khảo*, và *Ân khu thư kế khảo thích*.

Vương Quốc Duy là người cộng tác đắc lực của La Chấn Ngọc. Cống hiến chủ yếu của Vương Quốc Duy chính là ở chỗ ông đã kết hợp nhuần nhuyễn

phương pháp khảo chứng của học phái Càn gia với phương pháp qui nạp và phân tích của phương Tây để nghiên cứu lịch sử cổ đại. Kết quả, ông đã khảo cứu, cắt nghĩa chính xác rất nhiều chữ trong giáp cốt văn; đồng thời đính chính được một số sai lầm trong cổ sử. Từ năm 1915, Vương Quốc Duy lần lượt công bố những kết quả nghiên cứu của mình, tiêu biểu trong số đó, có: *Ân khu bốc từ trung sở kiến địa danh khảo* (Khảo về những địa danh trong các bài bói được khắc trên mai rùa, xương thú thời Ân); *Cổ sử tân chứng* (Chứng cứ mới về cổ sử); *Ân bốc từ trung sở kiến tiên công tiên vương khảo* (Khảo về danh xưng tổ tiên và các đế vương của triều Thương trong giáp cốt văn thời Ân); *Ân bốc từ trung sở kiến tiên công tiên vương tục khảo* (Tiếp tục khảo về danh xưng tổ tiên và các đế vương triều Thương trong giáp cốt văn thời Ân). Trong hai luận văn sau, Vương Quốc Duy đã đem danh xưng cùng thế hệ của tổ tiên và các đế vương triều Thương được khắc trong giáp cốt văn *đối chiếu* với danh xưng – thế hệ tiên công tiên vương của vương triều này đã được Tư Mã Thiên chép trong *Sử ký - Ân bản kỷ*. Kết quả là ông đã chứng minh được những ghi chép trong *Sử ký - Ân bản kỷ* – về cơ bản – là đáng tin cậy; nhưng đồng thời, sau khi khảo cứu, ông đã đính chính được một số lầm lẫn trong *Sử ký*. Thí dụ: “Vương hội” (王亥) bị chép nhầm là “Chấn” ( 振 ); Thứ tự các đời sau “Thượng giáp” vốn là “Báo ất” ( 報乙 ), “Báo bính” ( 報丙 ), “Báo đinh” ( 報丁 ), “Thị nhâm” ( 示壬 ), “Thị quí” ( 示癸 ), thì

lại bị chép nhầm là “Báo đĩnh” (報丁), “Báo ất” (報乙), “Báo bính” (報丙), “Chủ nhâm” (主壬), “Chủ quí” (主癸). Việc sửa sai của Vương Quốc Duy như trên đã khiến những danh xưng và thế hệ của các đế vương triều Thương từ hơn 3000 năm trước có được kết luận chính xác. Vương Quốc Duy cũng chính là người khởi xướng nghiên cứu niên đại giáp cốt văn. Ngay từ năm 1923, ông đã phát hiện được sự khác nhau trong cách xưng hô đối với tổ tiên qua những bài bốc từ khi cúng lễ tổ tiên được ghi trong giáp cốt văn. Từ đó, ông khẳng định chúng là sản phẩm của những thời kỳ khác nhau và cho rằng, có thể căn cứ vào từ xưng hô trong các bài bốc từ để tìm hiểu niên đại của chúng.

Tiếp đó, năm 1929, khi bắt đầu nghiên cứu giáp cốt văn, Quách Mạt Nhược chịu ảnh hưởng sâu sắc của La Chấn Ngọc và Vương Quốc Duy. Trong tác phẩm *Trung Quốc cổ đại xã hội nghiên cứu* (Nghiên cứu xã hội cổ đại Trung Quốc) của mình, Quách Mạt Nhược đã dùng quan điểm duy vật lịch sử, phân tích một cách khoa học những tư liệu trong lịch sử cổ đại Trung Quốc. ở tác phẩm này, ông đã vận dụng tư liệu giáp cốt văn để nghiên cứu nhiều vấn đề của lịch sử triều Thương; trong đó, ông đã dành riêng thiên *Bốc từ trung đích cổ đại xã hội* (Xã hội cổ đại thông qua những bài bốc từ) để phân tích toàn diện xã hội triều Thương. Sau đó, Quách Mạt Nhược còn tiếp tục viết hơn 10 tác phẩm về giáp cốt văn, có nội dung bao quát và

sâu sắc, như: *Bốc từ thông soạn*, *Ân khế túy biên* (Tinh túy của chữ khắc thời Ân), v.v.... Đối với việc nghiên cứu giáp cốt học, những tác phẩm trên của Quách Mạt Nhược đã có tác dụng chỉ đạo nhất định.

Trải qua hơn 1 thế kỷ, người Trung Quốc khai quật được hơn 150.000 mảnh giáp cốt văn; trong đó có khoảng hơn 1.700 chữ đã được nhận biết. Căn cứ vào nội dung và tự dạng, về căn bản có thể biết được quá trình phát triển của chúng. Xét từ kết cấu văn tự của giáp cốt văn, ngoài việc bảo tồn được sự rõ ràng của chữ tượng hình, còn có chữ hình thanh và chữ giả tá; Xét từ phương diện văn pháp, văn giáp cốt đã bước đầu có hệ thống, về căn bản là giống với sau này. Tuy chữ Hán phát triển đến giáp cốt văn đã trải qua một thời kỳ tương đối dài, nhưng đến nay, giáp cốt văn vẫn là loại chữ cổ văn duy nhất, và được phát hiện sớm nhất ở Trung Quốc.

Giáp cốt văn là văn tự ghi chép việc bói toán (chiêm bốc) từ triều Thương. “Chiêm” là quẻ bói (chiêm quái); “Bốc” là hỏi chuyện (vấn sự). Việc xem bói tất phải là người có chuyên môn, với chức danh là Sử quan. Vì theo qui định, mọi việc của các đời đế vương triều Thương đều phải thông qua việc cúng lễ, bói toán để quyết định, nên nội dung phản ánh qua giáp cốt văn là rất rộng. Các thế hệ của vương triều Thương được thể hiện khá mạch lạc thông qua những lời bói trên giáp cốt văn, do đó có thể thấy được các đời đế vương ở triều Thương (Khoảng thế kỷ XVI trước CN đến năm 1066

trước CN) liên tục duy trì được sự ổn định, “cha truyền con nối”. Trong giáp cốt văn có những từ chỉ nô lệ, như: “Chúng; Khương; Thân; Bộc; Hề; Thiếp; Sô”. Lời quẻ bói cũng phản ánh việc các đế vương triều Thương thường dùng những hình phạt vô cùng tàn khốc đối với nô lệ, khiến họ hoặc là phải bỏ trốn, hoặc tụ tập gây bạo động. Từ giáp cốt văn, chúng ta cũng có thể biết được một số bí ẩn của các đế vương triều Thương; những nghi thức cúng lễ; chức năng của quan lại và tình hình nông nghiệp, nghề nuôi gia súc, giao thông, thương nghiệp, thủ công nghiệp. Đối với sự biến hóa của giới tự nhiên, nội dung bói toán cũng miêu tả khá nhiều: Từ hiện tượng nhật thực, nguyệt thực, trăng sao cho đến ngày nắng ngày mưa, gió, bão, tuyết rơi, cầu vồng... đều thấy được ghi chép. Đối với lịch pháp, trong bốc từ cũng đã chia một tháng thành 30 ngày, một năm có 12 tháng, năm nhuận có 13 tháng. Ngoài ra, lĩnh vực hội họa, âm nhạc, vũ đạo cũng đã được phản ánh trong giáp cốt văn.

Cùng với việc phát hiện, khai quật giáp cốt văn từ thôn Tiểu Đồn – An Dương, rồi mở rộng đến khu vực Trịnh Châu, số tư liệu hiện vật mà các nhà giáp cốt học Trung Quốc thu được ngày càng nhiều. Từ năm 1979, Trung Hoa thư cục đã lần lượt cho xuất bản bộ sách *Giáp cốt văn hợp tập* do Quách Mạt Nhược chủ biên. Căn cứ vào 185 loại sách và báo, bộ sách này đã cho in chữ của gần 100.000 mảnh giáp cốt văn, giúp các nhà nghiên cứu rất nhiều trong việc

tìm tòi, sử dụng tư liệu. Ngày nay, Giáp cốt học đã trở thành một trong những bộ môn khoa học hấp dẫn, có những hoạt động sôi nổi nhất trên trường quốc tế.

**DUY ĐẠT biên khảo**

#### CHÚ THÍCH:

(1) Đôn Hoàng học: Đôn Hoàng vốn là tên một quận, có từ đời vua Nguyên Đĩnh năm thứ 6 thời Tây Hán (năm 111 trước CN), nay là thành phố Đôn Hoàng, ở phía Tây tỉnh Cam Túc – Trung Quốc.

Đôn Hoàng học là một ngành khoa học chuyên nghiên cứu văn hiến và văn vật lịch sử còn được bảo tồn ở khu vực Đôn Hoàng. Theo nội dung nghiên cứu, có thể chia thành các bộ môn: Sử địa Đôn Hoàng, (Mĩ thuật, Kiến trúc, Vũ nhạc, Tôn giáo, Văn học, Ngôn ngữ - Văn tự, văn hiến Khoa học kỹ thuật, Văn bản học) Đôn Hoàng. Khái niệm “Đôn Hoàng học” do Trần Diễn Khác đề xuất từ năm 1930 (Theo *Từ Hải*, tr.1662).

(2) Kim thạch học: Là tiền thân của ngành Khảo cổ học Trung Quốc. Đối tượng nghiên cứu chủ yếu của nó là đồ đồng và những phiến đá khắc, nên có tên gọi như vậy. Đến cuối triều Thanh, cùng với việc khai quật một số lượng lớn giáp cốt văn, các loại văn bản, con dấu... thì nội dung ngành Kim thạch học ngày càng phong phú (theo *Từ Hải*, tr.1905).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trình Dụ Trinh: *Trung Quốc văn hóa yếu lược*, Ngoại ngữ giáo học dữ nghiên cứu xuất bản xã, Bắc Kinh, 1998.
2. *Trung Quốc lịch sử tam bách đề*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1989.
3. Tư Mã Thiên: *Sử ký* (Nhữ Thành dịch), Nxb Văn học, Hà Nội, 1988.
4. *Từ Hải*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1988.